

Số: **45** /QĐ-NĐND

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp
Gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định cân than NMNĐ Na Dương

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV được ban hành tại Quyết định số 126/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (ĐLTKV);

Căn cứ Văn bản số 2525/NĐND-KHĐTVT ngày 04/11/2025 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc thực hiện sửa chữa lớn, mua sắm vật tư, thuê ngoài dịch vụ năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc Tạm giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD năm 2026;

Căn cứ Phương án kỹ thuật hiệu chuẩn cân than Nhà máy ngày 07/7/2025 của Phòng KT-AT;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Dự toán và KHLNCC ngày 08/01/2026 của Tổ Thẩm định DT&KHLNCC;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch LCNCC, gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định cân than NMNĐ Na Dương, với các nội dung cụ thể như sau:

- Tên gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định cân than NMNĐ Na Dương.
- Giá gói cung cấp (đã bao gồm thuế TGTG): **515.376.000 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn).
(Chi tiết tại **Phụ lục I** đính kèm theo).
- Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2026.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, Khu 4, xã Na



Dương, tỉnh Lạng Sơn.

5. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

(Chi tiết tại **Phụ lục II** đính kèm theo).

Điều 2. Giao phòng KH-ĐT-VT, Phòng KT-AT, phòng KT-TC, Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định và các phòng Nghiệp vụ liên quan phối hợp, triển khai thực hiện theo đúng pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các Ông phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng Nghiệp vụ căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Quyết định này. / *luu*

Nơi nhận: *luu*

- Như Điều 3 (e-copy);
- Lưu: VT, KHĐT-VT, LĐT.



Phạm Đức Tuyên



Phụ lục I

CHI TIẾT GIÁ GÓI CUNG CẤP

Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định cân than NMNĐ Na Dương

(Đính kèm theo Quyết định số **45** /QĐ-NĐND ngày **08/01/2026**)

Stt	Tên thiết bị/ Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Đơn giá trước thuế (đồng/đvt)	Thành tiền trước thuế (đồng)	Thuế suất (8%)	Thành tiền sau thuế (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)	(8)=(6)+(7)
A	Cân than định lượng lò 1						
I	Căn chỉnh, kiểm tra thiết bị						
1	Kiểm tra căn chỉnh bằng tải (4 băng/lần)	Lần	2	5 800 000	11 600 000	928 000	12 528 000
2	Kiểm tra căn chỉnh cảm biến tải trọng Loadcell (8 cái/lần)	Lần	2	4 200 000	8 400 000	672 000	9 072 000
3	Kiểm tra cảm biến tốc độ (4 cái/ lần)	Lần	2	2 300 000	4 600 000	368 000	4 968 000
II	Hiệu chuẩn thiết bị						
1	Kiểm tra hiệu chuẩn bằng cân than định lượng bằng xích chuẩn (4 cái / lần)	Lần	2	31 800 000	63 600 000	5 088 000	68 688 000
B	Cân than định lượng lò 2						
I	Căn chỉnh, kiểm tra thiết bị						
1	Kiểm tra căn chỉnh bằng tải (4 băng/lần)	Lần	2	5 800 000	11 600 000	928 000	12 528 000
2	Kiểm tra căn chỉnh cảm biến tải trọng Loadcell (8 cái/lần)	Lần	2	4 200 000	8 400 000	672 000	9 072 000
3	Kiểm tra cảm biến tốc độ (4 cái/ lần)	Lần	2	2 300 000	4 600 000	368 000	4 968 000
II	Hiệu chuẩn thiết bị						
1	Kiểm tra hiệu chuẩn bằng cân than định lượng bằng xích chuẩn (4 cái / lần)	Lần	2	31 800 000	63 600 000	5 088 000	68 688 000
C	Cân thương mại bằng tải BC-2A						
I	Căn chỉnh, kiểm tra thiết bị						
1	Kiểm tra căn chỉnh giường cân bằng tải	Lần	4	5 500 000	22 000 000	1 760 000	23 760 000
2	Kiểm tra căn chỉnh cảm biến tải trọng Loadcell (4 cái/lần)	Lần	4	4 500 000	18 000 000	1 440 000	19 440 000
3	Kiểm tra cảm biến tốc độ (1 cái/ lần)	Lần	4	1 200 000	4 800 000	384 000	5 184 000
4	Kiểm tra hiệu chuẩn cân bằng tải bằng xích chuẩn	Lần	4	8 000 000	32 000 000	2 560 000	34 560 000
II	Kiểm định cân bằng		4				
1	Kiểm định cân bằng tải bằng xích chuẩn	Lần	4	18 400 000	73 600 000	5 888 000	79 488 000



D	Cân thương mại băng tải BC-2B						
I	Căn chỉnh, kiểm tra thiết bị						
1	Kiểm tra căn chỉnh giường cân băng tải	Lần	4	5 500 000	22 000 000	1 760 000	23 760 000
2	Kiểm tra căn chỉnh cảm biến tải trọng Loadcell (4 cái/lần)	Lần	4	4 500 000	18 000 000	1 440 000	19 440 000
3	Kiểm tra cảm biến tốc độ (1 cái/ lần)	Lần	4	1 200 000	4 800 000	384 000	5 184 000
4	Kiểm tra hiệu chuẩn cân băng tải bằng xích chuẩn	Lần	4	8 000 000	32 000 000	2 560 000	34 560 000
II	Kiểm định cân băng						
1	Kiểm định cân băng tải bằng xích chuẩn	Lần	4	18 400 000	73 600 000	5 888 000	79 488 000
-	Tổng cộng				477 200 000	38 176 000	515 376 000

Phụ lục II
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP
Gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định cân than NMNĐ Na Dương
(Đính kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-NĐND ngày 08/01/2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói cung cấp	Tóm tắt công việc chính của gói CC	Giá gói CC trước thuế (đồng)	Giá gói CC sau thuế (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn NCC	Thời gian tổ chức lựa chọn NCC	Thời gian bắt đầu lựa chọn NCC	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua kèm	Ghi chú
1		Phần công việc đã thực hiện		0									
2		Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu		0									
3		Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu		477.200.000	515.367.000								
	Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định cân than NMNĐ Na Dương	Hiệu chuẩn, kiểm định cân than Nhà máy năm 2026	477.200.000	515.367.000	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026	Chào hàng cạnh tranh rút gọn	30 ngày	Tháng 01/2026	Đơn giá cố định	Đến hết ngày 31/12/2026	không	
4		Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu		0									
		Dự phòng		0									
		Tổng cộng			515.367.000								

